TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 418/2024/QĐST-HNGĐ	*Gia Lâm, ngày 21 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 346/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/8/2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn, việc nuôi con chung", giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh **Vũ Hữu V**, sinh năm 1982

- ***Bị đơn***: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1983

Cùng nơi cư trú tại: Thôn T, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Hữu V và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của anh Vũ Hữu V và chị Nguyễn Thị T, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh V và chị T thống nhất xác định có 02 con chung là cháu Vũ Hữu Cao M, sinh ngày 26/6/2012 và cháu Vũ Hữu Nguyên K, sinh ngày 06/5/2015. Khi ly hôn anh V và chị T thống nhất thỏa thuận:

+ Chị T là mẹ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Vũ Hữu Cao M, sinh ngày 26/6/2012 và cháu Vũ Hữu Nguyên K, sinh ngày 06/5/2015 đến khi hai cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh V và chị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Anh Vũ Hữu V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Anh V và chị T thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2.3. Về công nợ chung vợ chồng: Anh V và chị T không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về công nợ chung vợ chồng nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Vũ Hữu V chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004426 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội. Hoàn trả anh V 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh N (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2012; quyển số 02 do UBND xã T, huyện V, tỉnh Nam Định cấp ngày 03/01/2012);
- Các đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Vũ Quang Dũng